

Bản án số: 10/2022/HS-ST
Ngày: 07/03/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bàn Tồn Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Thiên

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: Ông Nguyễn Công Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST- HS ngày 21/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Đàm Văn L (tên gọi khác: Không) sinh ngày 14/10/1984. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Giáy; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Văn L (đã chết) và bà Lò Thị T; Vợ là Lò Thị B và 02 con (lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2005);

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2021. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

2. Phùng Thị L (tên gọi khác: Không), sinh năm 1983. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Giáy; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Văn P và bà Lục Thị X; Chồng là Tạ Văn Í và 02 con (lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 02/LCĐKNCT ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Bị cáo tại ngoại tại thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái – có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

Ông Đ – Luật sư và ông T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái – có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Yên Bái – Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N. Đại diện ông G – Giám đốc Ban quản lý Khu BTTN N.

Người được ủy quyền: Ông B, sinh năm 1973 – Phó Giám đốc Ban quản lý Khu BTTN N. Nơi cư trú: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái – Phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái – có mặt.

Anh Đ, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người chứng kiến:*

Anh T. Nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

Anh L. Nơi cư trú: Thôn B, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu cần đất để canh tác phát triển kinh tế nên trong thời gian tháng 12 năm 2020 và tháng 03 năm 2021 Phùng Thị L và Đàm Văn L cùng trú tại thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái đã lên khu vực rừng tự nhiên đặc dụng thuộc khoảnh 6, tiểu khu 176, thuộc thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái phát phá rừng, cụ thể như sau:

Đối với bị cáo Phùng Thị L: Trong thời gian tháng 12 năm 2020 đã một mình lên khu vực rừng tự nhiên đặc dụng thuộc khoảnh 6, tiểu khu 176 thuộc thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái dùng dao phát phá, chặt hạ các cây gỗ nhỏ, cây vầu, dây leo, cây bụi trong vòng 04 ngày mục đích để lấy đất trồng cây quế. Sau khi nghe thông tin có lực lượng Kiểm lâm đi kiểm tra, Phùng Thị L không phát phá nữa, các thân đổ của cây vầu, cây gỗ bị chặt hạ, Phùng Thị L để nguyên tại hiện trường chưa đốt dọn và trồng cây gì. Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/8/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Yên Bái xác định diện tích rừng tự nhiên đặc dụng mà Phùng Thị L đã phát phá là 2.850 m². Tại thời điểm khám nghiệm hiện trường các cây bụi, cây leo đã mọc tái sinh, chỉ phát hiện trên diện tích nêu trên còn lại 08 gốc cây gỗ thông thường, không còn thân cây đổ do đó không lập được bảng kê lâm sản gỗ bị thiệt hại.

Đối với bị cáo Đàm Văn L: Tháng 03 năm 2021 đã một mình đi lên khu vực rừng tự nhiên đặc dụng thuộc khoảnh 6, tiểu khu 176, thuộc thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái dùng dao phát phá các cây vầu, cây gỗ nhỏ, cây bụi, cây leo trong vòng 04 ngày mục đích để lấy đất trồng cây quế. Khoảng một tháng sau, Đàm Văn L quay lại để đốt dọn nhưng chưa trồng cây gì lên khu vực đã phát phá. Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/8/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Yên Bái xác định diện tích rừng đặc dụng mà Đàm Văn L phát

phá là 3.936 m² với lâm sản bị thiệt hại bao gồm 162 cây vầu có đường kính gốc trung bình 5,5 cm và 1,949 m³ gỗ nhóm VI, VII, VIII.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 29/ĐGTS-HĐĐG ngày 07/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận:

Tổng giá trị bị thiệt hại của các tài sản trưng cầu định giá là: 6.539.500 đồng, trong đó:

- 162 cây vầu có đường kính gốc trung bình 06cm, chiều cao trung bình 5,5m và 1,949m³ gỗ nhóm VI, VII, VIII được ghi nhận tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/8/2021 do Đàm Văn L phát phá tại thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái có giá trị bị thiệt hại tại thời điểm tháng 03/2021 là 6.539.500 đồng. Gồm:

- + 162 cây vầu có đường kính gốc trung bình 06cm, chiều cao trung bình 5,5m có giá trị thiệt hại là 3.402.000 đồng.

- + 1,949m³ gỗ nhóm VI, VII, VIII có giá trị thiệt hại là 3.137.500 đồng.

- 08 gốc cây gỗ thông thường được ghi nhận tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/8/2021 do Phùng Thị L phát tại thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái (tại hiện trường chỉ còn lại gốc cây, không có thân gỗ do đó không thể lập được bảng kê lâm sản gỗ bị thiệt hại). Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự không có đủ căn cứ để làm cơ sở định giá, do đó không tiến hành định giá với tài sản nêu trên tại thời điểm tháng 12/2020.

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-UBND, ngày 25/5/2011 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao đất nông nghiệp (đất rừng đặc dụng) và Quyết định số 578/QĐ-UBND, ngày 22/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Dự án điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Yên Bái, xác định diện tích rừng Phùng Thị L và Đàm Văn L phát, phá thuộc khoảnh 6, tiểu khu 176, thuộc thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái do Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N quản lý. Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N giao khoán cho nhóm hộ gia đình do ông Mai Văn Đ, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái là tổ trưởng trông coi, bảo vệ.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKS-VY ngày 13/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố Đàm Văn L về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm g khoản 2 điều 243 Bộ luật Hình sự. Truy tố Phùng Thị L về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm d khoản 1 điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đàm Văn L; Phùng Thị L phạm tội “Hủy hoại rừng” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Đàm Văn L: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Đối với bị cáo Phùng Thị L: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo tù 02 (hai)

năm đến 02 năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Đàm Văn L đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ số tiền là: 6.539.500 đồng cho Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N. Bị cáo Phùng Thị L đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường cho đại diện Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N là 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: Các vật chứng là công cụ phạm tội bao gồm: 01 con dao loại dao phát, phần lưỡi dao có một lưỡi sắc nhọn ở phần đầu làm bằng kim loại dài 43,5cm, phần cán dao làm bằng kim loại dài 30cm, ở cuối cán dao được bọc nhựa màu đen. Phần cán và phần lưỡi dao được gắn với nhau bằng ba chiếc đinh tán trong đó một chiếc đinh tán đã bị mất. 01 con dao loại dao phát, phần lưỡi dao làm bằng kim loại dài 40cm, phần cán dao làm bằng gỗ dài 70cm. Phần cán dao đã bị mất, chỉ còn lại lưỡi dao đã qua sử dụng.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đàm Văn L; Phùng Thị L.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Các bị cáo Đàm Văn L; Phùng Thị L đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn của huyện V, trình độ dân trí thấp. Bản thân các bị cáo không được học hành đầy đủ do đó hiểu biết về xã hội nói chung, kiến thức về pháp luật nói riêng đặc biệt là pháp luật về Lâm nghiệp còn rất nhiều hạn chế. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo. Trước khi phạm tội các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, thu nhập không ổn định. Xuất phát từ mong muốn có thêm đất để phát triển kinh tế, lấy sức lao động để thoát khỏi đói nghèo, đã dẫn tới các bị cáo đã phạm tội.

Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy, các bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi vi phạm của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nhưng các bị cáo đã tích cực tác động gia đình và tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N đầy đủ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo. Trong quá trình điều tra đại diện Khu bảo tồn thiên nhiên N đã có đơn và ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận

và áp dụng khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Phùng Thị L có mẹ đẻ là bà Lục Thị X đã được Bộ Tư lệnh quân khu 2 cấp giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến và được hưởng chế độ đối với người tham gia dân công hỏa tuyến. Được xác định là người có công với nước. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Phùng Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử đối với bị cáo Đàm Văn L: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Đối với bị cáo Phùng Thị L: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn không có tài sản, công ăn việc làm không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Yên Bái và Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa các bị cáo đã khai phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án đã thu giữ, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do cần đất để canh tác nên trong thời gian tháng 3/2021 bị cáo Đàm Văn L đã lên khu vực rừng tự nhiên đặc dụng thuộc khoảnh 6, tiểu khu 176 thuộc thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái do Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N quản lý phát phá rừng mục đích để lấy đất trồng cây quế. Bị cáo Đàm Văn L đã phát phá tổng diện tích 3.936 m²

rừng tự nhiên đặc dụng, gây thiệt hại 162 cây vầu và 1,949m³ gỗ nhóm VI, VII, VIII có giá trị là 6.539.500đồng (Sáu triệu năm trăm ba chín nghìn năm trăm đồng). Hành vi của bị cáo Đàm Văn L đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Phùng Thị L vào tháng 12/2020 bị cáo đã lên khu vực rừng tự nhiên đặc dụng thuộc khoảnh 6, tiểu khu 176 thuộc thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái do Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N quản lý phát phá rừng mục đích để lấy đất trồng cây quế. Bị cáo đã phát phá tổng diện tích 2.850 m² rừng tự nhiên đặc dụng. Hành vi của bị cáo Phùng Thị L đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 06/CT-VKS-VY ngày 13/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Đối với các bị cáo Đàm Văn L và Phùng Thị L phạm tội độc lập không đồng phạm với bị cáo nào cả. Nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[4] Về hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm các quy định về chính sách quản lý Nhà nước về rừng đặc dụng, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần phải đưa các bị cáo ra xử lý bằng pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Đàm Văn L đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho nguyên đơn dân sự số tiền là 6.539.500đồng (Sáu triệu năm trăm ba chín nghìn năm trăm đồng). Bị cáo Phùng Thị L đã tự nguyện bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền là 3.000.000đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Bị cáo Phùng Thị L có mẹ đẻ là bà Lục Thị X tham gia dân công hỏa tuyến. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy nên phải có một mức án phù hợp với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo Đàm Văn L, Phùng Thị L là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phùng Thị L có thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ hai mươi triệu đồng đến một trăm triệu đồng ...*”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đều cho thấy bị cáo không có tài sản, công ăn

việc làm không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Đàm Văn L đã tác động gia đình bồi thường số tiền là: 6.539.500đồng (Sáu triệu năm trăm ba chín nghìn năm trăm đồng) cho Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N. Bị cáo Phùng Thị L đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường cho Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N là 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy bao gồm:

01 con dao loại dao phát, phần lưỡi dao có một lưỡi sắc nhọn ở phần đầu làm bằng kim loại dài 43,5cm, phần cán dao làm bằng kim loại dài 30cm, ở cuối cán dao được bọc nhựa màu đen. Phần cán và phần lưỡi dao được gắn với nhau bằng ba chiếc đinh tán trong đó một chiếc đinh tán đã bị mất.

01 con dao loại dao phát, phần lưỡi dao làm bằng kim loại dài 40cm, phần cán dao làm bằng gỗ dài 70cm. Phần cán dao đã bị mất, chỉ còn lại lưỡi dao đã qua sử dụng.

[11] Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đàm Văn L; Phùng Thị L.

[12] Các bị cáo; Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đàm Văn L; Phùng Thị L phạm tội “Hủy hoại rừng”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

* Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đàm Văn L 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đàm Văn L cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Đàm Văn L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Đàm Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đàm Văn L nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

* Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Thị L 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phùng Thị L cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Phùng Thị L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Phùng Thị L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy:

01 con dao loại dao phát, phần lưỡi dao có một lưỡi sắc nhọn ở phần đầu làm bằng kim loại dài 43,5cm, phần cán dao làm bằng kim loại dài 30cm, ở cuối cán dao được bọc nhựa màu đen. Phần cán và phần lưỡi dao được gắn với nhau bằng ba chiếc đinh tán trong đó một chiếc đinh tán đã bị mất.

01 con dao loại dao phát, phần lưỡi dao làm bằng kim loại dài 40cm, phần cán dao làm bằng gỗ dài 70cm. Phần cán dao đã bị mất, chỉ còn lại lưỡi dao đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 17 ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Yên Bái và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đàm Văn L; Phùng Thị L.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- Công an huyện V(2)
- VKSND huyện V
- VKSND tỉnh Yên Bái
- THADS huyện V
- THA phạt tù (2)
- Các bị cáo (2)
- Nguyên đơn DS; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- UBND xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
- Lưu HS - TQĐ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thoảng